

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 2762/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
(ngoài hàng rào Khu đô thị du lịch sinh thái FLC)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn (nay là TP Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn (nay là TP Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thị xã Sầm Sơn (nay là TP Sầm Sơn), tỉnh Thanh Hóa (ngoài hàng rào Khu đô thị du lịch sinh thái FLC);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3928/SXD-HĐXD ngày 21/7/2017 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (ngoài hàng rào Khu đô thị du lịch sinh thái FLC) (kèm theo hồ sơ),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn, tỉnh

Thanh Hóa (ngoài hàng rào Khu đô thị du lịch sinh thái FLC) với những nội dung sau:

1. **Tên công trình:** Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cự, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. **Thuộc dự án đầu tư xây dựng:** Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch sinh thái Quảng Cự, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. **Loại, cấp công trình:** Công trình giao thông, cấp III.

4. **Chủ đầu tư:** UBND thành phố Sầm Sơn.

5. **Địa điểm xây dựng:** Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

6. **Nhà thầu khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình:** Công ty Cổ phần Tư vấn kiểm định và Xây dựng Thịnh Phát.

7. **Giải pháp thiết kế chủ yếu:**

7.1. **Về thiết kế giao thông:**

a) Trắc ngang:

- Tuyến đường Thanh Niên cải dịch (đoạn từ đường Đông Tây 2 đến đê sông Mã), dài 987,11m: chiều rộng nền đường $B_n=17,5\text{m}$; mặt đường $B_m=9,0\text{m}$. Chiều rộng vỉa hè $B_h=(5,0+3,5)\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường một mái $i_m=2\%$; dốc ngang hè đi bộ $i_h=2\%$.

- Tuyến đường Thanh Niên cải dịch (đoạn từ đường Thu Hồng đến đường Bùi Thị Xuân và đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đoạn đường Đông Tây 2), dài 1.340,0m. Chiều rộng nền đường $B_n=43,0\text{m}$; mặt đường $B_m=2\times 9,0\text{m}$; chiều rộng dải phân cách $B_{pc}=10,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 7,5\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$; dốc ngang hè đi bộ $i_h=2\%$.

- Tuyến đường Trần Nhân Tông (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Hồ Xuân Hương), dài 897,91m: Chiều rộng nền đường $B_n=46,0\text{m}$; mặt đường $B_m=2\times 14,0\text{m}$; chiều rộng dải phân cách $B_{pc}=8,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 5,0\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$; dốc ngang hè đi bộ $i_h=2\%$.

- Tuyến đường Đông Tây 2 (đoạn từ Thanh Niên cải dịch đến đường Nguyễn Du và đoạn từ Thanh Niên cải dịch đến đường 773), tổng chiều dài 1.050,39m: Chiều rộng nền đường $B_n=37,5\text{m}$; mặt đường $B_m=2\times 11,25\text{m}$; chiều rộng dải phân cách $B_{pc}=3,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 6,0\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường $i_m=2\%$; dốc ngang hè đi bộ $i_h=2\%$.

b) Kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường loại 1 (áp dụng cho đường Trần Nhân Tông), $E_{yc}\geq 160\text{Mpa}$, gồm các lớp như sau: mặt đường BTN C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m²; BTN C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám TCN 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 30cm; cấp phối đá dăm loại II dày 36cm; đất đắp đầm chặt K98 dày 30cm.

- Kết cấu áo đường loại 2 (áp dụng cho đường Đông Tây 2 và đường Thanh Niên cải dịch), $E_{yc}\geq 120\text{Mpa}$, gồm các lớp như sau: mặt đường BTN C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m²; BTN C19 dày 7cm; tưới

nhựa thấm bảm TCN 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 18cm; đất đắp đầm chặt K98 dày 50cm.

- Kết cấu áo đường loại 3 (áp dụng Thanh Niên cải dịch đoạn từ đường Đông Tây 2 đến đê Sông Mã), $E_{vc} \geq 120 \text{Mpa}$, gồm các lớp như sau: mặt đường BTN C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; cấp phối đá dăm loại II dày 18cm; đất đắp đầm chặt K98 dày 50cm.

c) Vía hè, bó vía, đan rãnh, gờ bó hè, hố trồng cây:

- Kết cấu vía hè loại 1 (áp dụng tuyến Đông Tây 2, Trần Nhân Tông, Thanh Niên cải dịch): Vía hè lát đá xẻ đục nhám mặt kích thước 30x30x5cm trên lớp VXM mác 100 dày 2cm, bên dưới là lớp bê tông đá 1x2 mác 150 dày 7cm, nền cát đầm chặt K95.

- Kết cấu vía hè loại 2 (áp dụng tuyến Thanh Niên cải dịch đoạn từ đường Đông Tây 2 đến đê sông Mã): Vía hè lát gạch block kích thước 25x25x5,5cm trên lớp VXM mác 75 dày 2cm, bên dưới là lớp cát đệm dày 7cm.

- Bó vía hè loại 1 (áp dụng tuyến Đông Tây 2, Trần Nhân Tông, Thanh Niên cải dịch): Sử dụng bó vía bằng đá kích thước 230x260x1000mm tại những đoạn thẳng, kích thước 230x260x500mm tại những đoạn cong.

- Bó vía hè loại 2 (áp dụng tuyến Thanh Niên cải dịch đoạn từ đường Đông Tây 2 đến đê sông Mã): Sử dụng bó vía bằng BTXM kích thước 230x260x1000mm tại những đoạn thẳng, kích thước 230x260x500mm tại những đoạn cong.

- Bó vía dải phân cách bằng đá kích thước 450x200x1000mm tại những đoạn thẳng, kích thước 450x200x500mm tại những đoạn cong.

- Đan rãnh BT mác 200 đá 1x2, đặt trên lớp VXM mác 100 dày 2cm, bê tông lót đá 2x4 mác 150 dày 5cm. Kích thước 30x50x6cm tại những đoạn thẳng, 30x25x6cm tại những đoạn cong.

- Gờ bó vía loại 1 (áp dụng tuyến Đông Tây 2, Trần Nhân Tông, Thanh Niên cải dịch): Sử dụng bó hè bằng đá xẻ, kích thước hình chữ nhật 16x13cm, đệm VXM mác 100.

- Gờ bó vía loại 2 (áp dụng tuyến đường Thanh Niên cải dịch đoạn từ đường Đông Tây 2 đến đê sông Mã): Sử dụng gờ bó hè bằng gạch không nung, đệm bê tông đá 1x2 mác 150.

- Hố trồng sử dụng bó vía bằng đá kích thước 1,2x1,2m, bê tông lót đá 2x4 mác 150.

7.2. Hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng ống cống bê tông ly tâm đúc sẵn D600, D800, D1000 và mương BxH=50x70cm (áp dụng tuyến Thanh Niên cải dịch đoạn từ Đông Tây 2 đến đê sông Mã) bố trí nằm dọc trên vía hè các tuyến đường giao thông.

- Kết cấu mương xây gạch không nung VXM mác 75, tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200; đối với những đoạn qua đường sử dụng mương BTCT đá 1x2 mác 250, tấm đan BTCT đá 1x2 mác 300.

- Kết cấu ga loại 1 (áp dụng tuyến đường Trần Nhân Tông): Thành hồ xây gạch không nung VXM mác 75, đáy hồ ga BTCT đá 1x2 mác 200, tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200, nắp ga gang, bậc thang lên xuống thép D20. Kết cấu ga thu: Đáy hồ BTCT đá 1x2 mác 200, đá dăm đệm dày 10cm, thành hồ xây gạch không nung VXM mác 75, song chắn rác composite.

- Kết cấu ga loại 2 (áp dụng tuyến Đông Tây 2, Thanh Niên cải dịch): Hồ ga BTCT đá 1x2 mác 200, bê tông lót đá 1x2 mác 150, nắp ga gang, bậc thang lên xuống thép D20.

7.3. Thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải sử dụng cống bê tông ly tâm đúc sẵn D300, D400, D600 bố trí nằm dọc trên vỉa hè các tuyến đường giao thông.

- Kết cấu ga thu: Hồ ga BTCT đá 1x2 mác 200, bê tông lót đá 1x2 mác 150, nắp ga gang, bậc thang lên xuống thép D20.

- Xây mới trạm bơm nước thải hình chữ nhật kích thước 3,6x5,8m, diện tích xây dựng 20,88m². Trong trạm bơm đặt 2 bơm chìm có thông số Q=30m³, H=6,0m. Trạm bơm sử dụng móng bè BTCT đá 1x2 mác 250; nền gia cố cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; thành, sàn công tác trạm bơm BTCT đá 1x2 mác 250; hệ thống cửa phai, song chắn rác bằng thép không gỉ.

7.4. Thoát nước ngang:

- Thiết kế 01 cống tròn D1200 trên tuyến đường Trần Nhân Tông, 01 cống tròn D1200 trên đường Thanh Niên cải dịch, 01 cống hộp kép BxH=2x3m.

- Kết cấu cống tròn: Sử dụng cống tròn BTCT đúc sẵn. Móng cống, sân cống, tường đầu, tường cánh, chân khay bằng bê tông đá 1x2 mác 150. Hồ thu bằng BTCT đá 1x2 mác 200, nắp ga bằng gang, bậc thang lên xuống thép D20.

- Kết cấu cống hộp: Thân cống BTCT đá 1x2 mác 300, móng cống BT đá 1x2 mác 200, đá dăm đệm dày 10cm. Bản vượt BTCT đá 1x2 mác 300 dày 30cm. Tường đầu, tường cánh, sân cống BTCT đá 1x2 mác 300.

7.5. Tuynel kỹ thuật ngang đường:

- Bố trí tuynel kỹ thuật ngang đường tại các nút giao, tuynel sử dụng loại cống hộp kích thước BxH=2x2m, hai đầu bố trí hồ thu, đoạn giữa bố trí cổ ga thông hơi lên dài phân cách giữa.

- Kết cấu tuynel: Móng bằng BTXM mác 150 đá 2x4 dày 30cm, đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; thân BTCT mác 300 đá 1x2 dày 30cm.

- Kết cấu hồ thu: Móng hồ thu BTXM mác 150 đá 2x4 dày 30cm đặt trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; thân hồ BTCT mác 300 đá 1x2 đổ tại chỗ dày 30cm; tấm đan bằng BTCT mác 250 đá 1x2 dày 10cm.

7.6. Hệ thống biển báo, sơn kẻ vạch:

Biển báo được thiết kế theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016. Biển báo được gắn với cột điện, cột đèn hoặc những vật kiến trúc vĩnh cửu nhưng phải đảm bảo những tiêu chuẩn kỹ thuật. Sơn kẻ vạch được làm bằng sơn dẻo nhiệt, chiều dày vạch sơn là 3mm.

7.7. Hệ thống điện chiếu sáng:

- Nguồn điện được đấu nối tại cột số 77B lộ 447 trạm biến áp 110kV Sầm Sơn. Đường dây trung áp 22 kV nằm dọc trên dải phân cách của trục được giao thông. Dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC được luồn trong ống nhựa gân xoắn, những đoạn qua đường được luồn trong ống thép.

- Lắp đặt mới 02 trạm biến áp phụ tải kiểu trạm một cột công suất 75kVA và 50kVA. Trụ đỡ máy biến áp đặt trên nền móng BTCT đá 1x2 mức 200.

- Sử dụng cột đèn thép bát giác côn liền cân đơn 9m, cân đèn 2m, độ vươn 1,5m, bóng đèn 250/150W; cột đèn thép đa giác 17m, lồng đèn cố định tám hướng, bóng đèn S400/250W; cột đèn trang trí 3,5m nằm trên dải phân cách, đèn cầu trang trí D400, bóng compact 40W. Toàn bộ cột đèn được tiếp đất an toàn với hệ thống tiếp đất nối liền hoàn, móng cột BTXM đá 1x2 mức 150. Dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC. Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE, những đoạn qua đường được luồn trong ống thép mạ kẽm đi ngầm trong lòng đất.

7.8. Các tuyến đường nội thị và mương tiêu 773:

a) Trắc ngang:

- Tuyến đường Lê Thánh Tông (đoạn từ Quốc lộ 47 đến đường Ngô Quyền), dài 624,94m: Chiều rộng nền đường $B_n=10,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=7,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 1,5\text{m}$.

- Tuyến đường Ngô Quyền (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Nguyễn Sỹ Dũng), dài 1.247,55m: Chiều rộng nền đường $B_n=10,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=7,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 1,5\text{m}$.

- Tuyến đường Hai Bà Trưng (đoạn từ Quốc lộ 47 đến đường Thanh Niên cũ), dài 1.437,10m: Chiều rộng nền đường $B_n=10,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=7,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 1,5\text{m}$.

- Tuyến đường Nguyễn Du cũ (đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Hoàng Hoa Thám), dài 1.017,10m: Chiều rộng nền đường $B_n=10,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=7,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 1,5\text{m}$.

- Tuyến đường Thanh Niên cũ (đoạn từ đường Nguyễn Hồng Lễ đến đường Trần Nhân Tông), dài 1.477,0m: Chiều rộng nền đường $B_n=10,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=7,0\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 1,5\text{m}$.

- Tuyến đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Lê Thánh Tông đến Quốc lộ 47), dài 717,63m: Chiều rộng nền đường $B_n=10,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=7,5\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 1,5\text{m}$.

- Tuyến đường Nguyễn Hồng Lễ (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Du), dài 643,31m: Chiều rộng nền đường $B_n=10,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=7,5\text{m}$; chiều rộng vỉa hè $B_h=2\times 1,5\text{m}$.

b) Kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường áp dụng với phần mặt đường mở rộng gồm các lớp như sau: mặt đường BTN C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám TCN 1,0kg/m²; cấp phối đá dăm loại I dày 12cm; cấp phối đá dăm loại II dày 15cm; đất đắp đầm chặt K98 dày 30cm.

- Kết cấu áo đường tăng cường trên mặt đường cũ gồm các lớp như sau: mặt đường BTN C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bảm TCN 1,0kg/m²; bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I.

c) Bó vỉa, thoát nước:

- Bó vỉa hè bằng đá kích thước 230x260x1000mm tại những đoạn thẳng, kích thước 230x260x500mm tại những đoạn cong.

- Hệ thống thoát nước sử dụng muống thoát nước nằm dọc trên vỉa hè các tuyến đường giao thông, kích thước BxH=50x70cm. Kết cấu muống xây gạch không nung VXM mác 75, tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200. Tại những đoạn qua đường sử dụng muống BTCT đá 1x2 mác 250, tấm đan BTCT đá 1x2 mác 300.

d) Muống tiêu 773:

- Nạo vét và kê bờ trái của muống tiêu với tổng chiều dài là 1.024,72m, đáy rộng 3m, taluy mái lát 1:1,5.

- Kết cấu mái lát sử dụng tấm lát bằng BT đá 1x2 mác 200 đúc sẵn kích thước 50x50x6cm. Chân khay bằng BT đá 1x2 mác 200, gia cố bằng cọc tre mật độ 25 cọc/m².

8. Tổng dự toán xây dựng: 384.344.218.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	317.979.582.445 đồng;
- Chi phí QLDA	3.497.775.407 đồng;
- Chi phí TVĐTXD	13.409.382.245 đồng;
- Chi phí khác	14.517.094.481 đồng;
- Chi phí dự phòng	34.940.838.458 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

9. Nguồn vốn: Thực hiện theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 06/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư xây dựng.

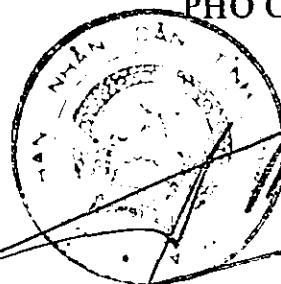
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Văn Tuấn

Phụ lục: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG
Công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch sinh thái Quảng Cư, thành phố Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa
Kèm theo Quyết định số 2762/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		317.979.582.445
I.1	PHẦN GIAI ĐOẠN 2	Gxd1		186.678.242.445
1	Đường Trần Nhân Tông (Đoạn từ Nguyễn Du đến đường Hồ Xuân Hương)		Dự toán chi tiết	40.118.209.202
2	Đường Thanh Niên cải dịch đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến cọc 64 (hết phạm vi nút giao với Đông Tây 2)		nt	105.212.713.110
3	Đường Đông Tây 2 (Từ đường Thanh Niên cải dịch đến mương tiêu 773)		nt	18.718.689.047
4	Trạm bơm		nt	504.749.086
5	Hệ thống điện chiếu sáng		nt	22.123.882.000
I.2	PHẦN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG	Gxd2		131.301.340.000
6	Cải tạo, hoàn trả các tuyến đường nội thị (Văn bản số 4729/UBND-THKH ngày 13/5/2016)		nt	49.280.607.000
7	Phản hoàn thiện mương tiêu 773 (Theo Văn bản số 4729/UBND-THKH ngày 13/5/2016)		nt	9.252.819.000
8	Phản điều chỉnh mở rộng quy mô mặt cắt tuyến đường Trần Nhân Tông (Theo Văn bản số 4872/UBND-CN ngày 17/05/2016)		nt	8.940.429.000
9	Đường Thanh Niên cải dịch - đoạn từ đường Thu Hồng đến đường Bùi Thị Xuân (Theo Văn bản số 7681/UBND-THKH ngày 15/7/2016)		nt	8.913.582.000

STT	Kế toán mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
10	Đường Đông Tây 2 từ đường Thanh Niên cải dịch đến đường Nguyễn Du (Theo Văn bản số 7681/UBND-THKH ngày 15/7/2016)		nt	44.198.371.000
11	Đường Thanh Niên cải dịch đoạn từ đường Đông Tây 2 đến đê Sông Mã, điều chỉnh giảm quy mô còn 17,5m (VB số 186/TB-UBND ngày 14/11/2016)		nt	10.715.532.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđa	$G_{XD}^{trước VAT} \times 1,210\%$	3.497.775.407
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv		13.409.382.245
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư		Theo QĐ phê duyệt điều chỉnh DADT 739/QĐ-UBND ngày 09/3/2017	2.049.247.000
2	Chi phí khảo sát, lập điều chỉnh dự án đầu tư		nt	748.940.316
3	Chi phí lập hồ sơ, cắm cọc mốc GPMB		nt	440.000.000
4	Chi phí thẩm tra an toàn giao thông		nt	193.245.000
5	Chi phí đánh giá tác động môi trường		nt	627.719.000
6	Chi phí khảo sát thiết kế bản vẽ thi công		Theo QĐ số 585/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 của Chủ tịch UBND thị xã Sầm Sơn	830.365.362
7	Chi phí khảo sát thiết kế bản vẽ thi công (phần bổ sung)		Theo QĐ số 1370/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Sầm Sơn	394.133.000
8	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công			
8.1	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công (giai đoạn 2)		$G_{XD1}^{trước VAT} \times 0,925\%$	1.726.773.743
8.2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công (phần điều chỉnh, bổ sung)		$G_{XD2}^{trước VAT} \times 0,925\%$	1.214.537.395
9	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,068\%$	216.226.116
10	Chi phí thẩm tra dự toán		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,064\%$	203.506.933
11	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,053\%$	168.529.179

STT	Khai báo mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
12	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSĐT gói thầu tư vấn giám sát		$G_{gs}^{\text{trước VAT}} \times 0,552\%$	20.922.548
13	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSĐT gói thầu kiểm toán		$G_{kt}^{\text{trước VAT}} \times 0,713\%$	8.922.659
14	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSĐT gói thầu bảo hiểm		$G_{bh}^{\text{trước VAT}} \times 0,816\%$	6.486.783
15	Chi phí giám sát thi công XD	Ggs	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 1,192\%$	3.790.316.623
17	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		$20\% \times G_{lda}$	769.510.590
IV	CHI PHÍ KHÁC	Gk		14.517.094.481
1	Chi phí bảo hiểm công trình	Gbh	$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,250\%$	794.948.956
2	Chi phí rà phá bom mìn		Theo QĐ phê duyệt điều chỉnh DAĐT 739/QĐ-UBND ngày 09/3/2017	678.000.000
3	Chi phí hạng mục chung		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,500\%$	11.129.285.386
4	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư		Theo QĐ phê duyệt điều chỉnh DAĐT 739/QĐ-UBND ngày 09/3/2017	45.242.000
5	Lệ phí thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư		nt	16.794.800
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (giai đoạn 2 + phần bổ sung)		$50\% \times TMĐT \times 0,205\%$	393.952.823
7	Chi phí kiểm toán (giai đoạn 2 + phần bổ sung)	Gkt	$TMĐT \times 0,296\%$	1.251.424.774
8	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng		Mức tối đa	100.000.000
9	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu giám sát		$G_{gs}^{\text{trước VAT}} \times 0,100\%$	3.445.742
10	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán		Mức tối thiểu	2.000.000

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
11	Chi phí tham định HSM T, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu bảo hiểm		nt	2.000.000
12	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (Tạm tính)		Tạm tính	100.000.000
V	CHÍ PHÍ DỰ PHÒNG	G_{DP}		34.940.383.458
1	Chi phí dự phòng do khối lượng phát sinh (tỷ lệ % tạm tính)		(I+II+III+IV) x 5%	17.470.191.729
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá (tỷ lệ % tạm tính theo dự toán thiết kế)		(I+II+III+IV) x 5%	17.470.191.729
	TỔNG CỘNG			384.344.218.036
	LÀM TRÒN			384.344.218.000